

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2020/HSST

Ngày 25/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Trung

2. Bà Trần Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 225/2020/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Đ**; *Tên gọi khác:* L1, L2; Sinh ngày 23/02/1970; Tại: thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, thành phố B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 02/12; Tiền án: 01 tiền án; tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết), con bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1941. Hiện trú tại: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố B;

*** Nhân thân:**

- Ngày 17/12/1989 Công an Quận 11, thành phố H đưa đi cưỡng bức lao động;

- Ngày 14/7/1990, Công an Quận 1, thành phố H bắt đi cưỡng bức lao động 06 tháng về hành vi trộm cắp tài sản;

- Ngày 29/10/1993, bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân.

- Ngày 07/6/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Theo bản án số 177/HSST ngày 04/12/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 02/02/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Tiền án: Theo bản án 396/HSST ngày 15/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 13/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích “*phần nghĩa vụ dân sự chưa bồi thường 5.000.000 đồng cho người bị hại*”).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

2. Họ và tên: **BÙI QUÝ T1**; *Tên gọi khác:* Đ; Sinh ngày: 21/4/1988; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: 151 N, phường T, thành phố B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Tiền sự: Không;

Con ông: Bùi Quốc T, sinh năm 1960; con bà: Phan Thị N, sinh năm: 1963. Hiện đều trú tại: hẻm 04 M, phường T, thành phố B;

Bị cáo có vợ là Trương Thị H và có 01 con sinh năm 2014.

Nhân thân:

- Theo bản án số 108/2006/HSST ngày 08/6/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, ngày 22/9/2008 chấp hành xong hình phạt tù.

- Theo bản án số 04/2010/HSPT ngày 04/01/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 12/3/2011 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền án: Theo bản án số 12/2016/HSST ngày 01/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, ngày 07/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột - Có mặt.

3. Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC H**; *Tên gọi khác:* G; Sinh ngày: 09/01/1984; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: 159 Y Jút, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Tuấn Khanh (đã chết); con bà: Lai Ngọc Nữ, sinh năm: 1950. Hiện trú tại: 112 Phạm Ngũ Lão, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột;

Nhân thân: Theo bản án số 175/2008/HSST ngày 17/6/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm tuyên phạt 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, ngày 15/4/2010 chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

4. Họ và tên: **TRẦN NGỌC GIANG C**; *Tên gọi khác: N*; Sinh ngày: 05/5/1980; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Trần Minh H (đã chết); con bà: Quách Yến L, sinh năm: 1956, hiện trú tại 266/2/9A P, phường T, thành phố B.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim D, có 01 con sinh năm 1999.

Nhân thân:

- Ngày 29/5/1993, bị Công an Quận 1, thành phố H xử phạt hành chính bằng hình thức cải tạo lao động 12 tháng, đưa vào trường giáo dưỡng Cô Nhi.

- Ngày 7/5/1998, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội Cướp tài sản công dân.

- Theo bản án số 273/2014/HSST ngày 27/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, ngày 21/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền án: Theo bản án số 391/2001/HSST ngày 22/11/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 năm tù về tội Hiếp dâm, 03 năm tù về tội Cướp tài sản, tổng hợp hình phạt của hai tội là 11 năm tù (chưa được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/6/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

5. Họ và tên: **PHẠM THÀNH T2**; *Tên gọi khác: Không*; Sinh ngày: 22/10/1983; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: 131 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm C (sinh năm 1947); con bà: Nguyễn Thị R, sinh năm: 1949. Hiện cùng trú tại: 07 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2019 cho đến ngày 08/6/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện bị cáo đang tại ngoại – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn Đ nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại kiếm lời. Vào đầu tháng 6/2019, một người nam giới tên Th (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến gặp Đ và bán cho Đ một bịch ma túy đá, một bịch ma túy Heroine với giá là 2.400.000 đồng. Đ phân ra thành nhiều gói nhỏ ma túy. Sau đó, Đ cất giấu ở nhiều nơi trong và ngoài nhà tại Liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Hàng ngày, Đ ở nhà bán ma túy cho các con nghiện, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ 30 ngày 06/6/2019, Bùi Quý T1 lái xe mô tô mang biển số: 47F9 – 8699 chở Nguyễn Ngọc H đi đến khu vực lâm viên đường P, thuộc liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk để mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi thì T1 đứng ngoài chờ, còn H đi bộ vào gặp Nguyễn Văn Đ mua ma túy đá với số tiền 200.000 đồng. Đ nhận tiền, rồi lấy một gói nylon chứa ma túy đưa cho H. Hiếu cất gói ma túy trong túi quần bên trái, rồi ra xe để T1 chở về. Khi cả hai đi đến đường A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan CSĐT Công an Tp. B phát hiện, bắt giữ. Tang vật thu giữ của H gồm: 01 gói nylon chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 465/GĐMT- PC09 ngày 12/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể, đựng trong 01 gói ny lon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,2300 gam, loại Methamphetamine.

Lần thứ hai: Vào khoảng 09 giờ 30 ngày 09/6/2019, Trần Ngọc Giang C một mình lái xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, mang biển số 47B1 – 78731 đi đến khu vực lâm viên thuộc liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk để mua ma túy sử dụng. C đi vào con đường bên hông lâm viên gặp Nguyễn Văn Đ nói “bán cho cái một trăm” rồi đưa số tiền 90.000 đồng cho Đ. Đ nhận tiền rồi lấy ra 01 gói giấy bạc chứa ma túy đưa cho C. C cất giấu gói ma túy trong túi quần phía trước bên trái đang mặc lái xe về. Khi đi đến trước số nhà 14 A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, thì Châu bị Cơ quan CSĐT Công an Tp. B phát hiện, bắt giữ. Tang vật thu giữ của Châu gồm: 01 gói giấy bạc chứa chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 474/GĐMT- PC09 ngày 17/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng cục màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1156 gam, loại Heroine.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 09/6/2019, Phạm Thành T2 điều khiển xe máy hiệu Jupiter mang biển số 47R5 – 5045 đi từ nhà tại địa chỉ số 07 A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đến đường đất trong khu vực lâm viên đường P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, để tìm Nguyễn Văn Đ mua ma túy sử dụng. Đến nơi, thấy Đ đang ngồi ở quán nước gần nhà thì T1 mua 200.000 đồng ma túy. Đ nhận tiền, rồi đi đến hàng rào lấy ra một gói giấy bạc chứa ma túy đưa cho T1. T1 cất giấu gói ma túy trong túi quần bên trái điều khiển xe về. Khi T1 đến trước số nhà 14 A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan CSĐT Công an Tp. B phát hiện, bắt quả tang.

Tang vật thu giữ của Trung gồm: 01 gói giấy bạc chứa chất rắn dạng cục màu trắng, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 473/GĐMT- PC09 ngày 17/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng cục màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc, được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1231 gam, loại Heroine.

Lần thứ tư: Khoảng 09 giờ 30 ngày 12/6/2019, Nguyễn Quốc Ng nhờ bạn là Nguyễn Quốc V điều khiển xe mô tô chở đến ngã ba đường trong khu vực lâm viên thuộc liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Đến nơi, V đứng ngoài chờ, còn Ng đi bộ đến trước nhà của Nguyễn Văn Đ. Lúc này, thấy Đ đang ngồi trước nhà nên Ng đi đến mua 100.000 đồng mua ma túy. Đ nhận tiền, rồi lấy từ bức tường gạch trước nhà ra 01 gói giấy bạc chứa ma túy đưa cho Ng. Ng cầm gói ma túy ra nhờ V chở về. Khi cả hai đi đến trước số nhà 14 A, phường T, Tp. B thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố B phát hiện, bắt giữ. Tang vật thu giữ của Ng gồm: 01 gói giấy bạc chứa chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 490/GĐMT- PC09 ngày 21/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc, được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,0473 gam, loại Heroine.

Lần thứ năm: Khoảng 14 giờ 30 ngày 12/6/2019, Đào Văn P, sinh năm: 1984, HKTT: Đội 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu đen, mang biển số: 47T1 -139.12 đi đến nhà của Nguyễn Văn Đ tại khu vực lâm viên thuộc liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk để mua ma túy sử dụng. Tại đây, P thấy Đ đang ngồi trước nhà nên đưa 200.000 đồng mua ma túy. Đ lấy tiền rồi vào trong nhà lấy từ một lọ bằng kim loại để trên tivi ra 02 gói giấy bạc đều chứa ma túy bán cho P. Khi P vừa cất giấu 02 gói ma túy trên trong túi quần phía trước bên phải chưa kịp đi về thì bị Cơ quan CSĐT Công an Tp. Buôn Ma Thuật phát hiện, bắt giữ. Tang vật thu giữ của P gồm: 02 gói giấy bạc đều chứa cục chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 488/GĐMT- PC09 ngày 20/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng cục màu trắng đựng trong 02 gói giấy bạc, được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,0615 gam, loại Heroine.

Khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Nguyễn Văn Đ tại Tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, thu giữ ma túy tại nhiều vị trí khác nhau và kết luận giám định số 488/GĐMT-PC09 ngày 20/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- 01 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 01*), nơi phát hiện: trong một bình sứ màu vàng để ở phòng bếp gần cửa ra vào phía sau là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,1351 gam.

- 22 gói giấy bạc đều chứa cục chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 02*), nơi phát hiện: một lọ bằng kim loại để ở trên tivi trong phòng khách, là ma túy loại Heroine có khối lượng 0,8835 gam.

- 01 gói giấy bạc đều chứa cục chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 03*), nơi phát hiện: dưới tivi trong phòng khách, là ma túy loại Heroine có khối lượng 0,0341 gam.

- 05 gói giấy bạc đều chứa cục chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 04*), nơi phát hiện: trong lỗ gạch ở tường nhà gần cửa ra vào phía trước, là ma túy loại Heroine có khối lượng 0,1508 gam.

- 03 gói giấy bạc đều chứa cục chất rắn màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 05*), nơi phát hiện: trong lỗ gạch ở tường nhà gần cửa ra vào phía trước, là ma túy loại Heroine có khối lượng 0,0843 gam.

- 01 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 06*), nơi phát hiện: trong ống tre ở tường rào đối diện ngôi nhà, là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,0710 gam.

- 09 gói nylon đều chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 07*), nơi phát hiện: trong ống tre ở tường rào đối diện ngôi nhà, là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,0314 gam.

- 01 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong theo quy định (*phong bì số 08*), nơi phát hiện: trong ống tre ở tường rào đối diện ngôi nhà, là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,0856 gam.

Tại bản cáo trạng số 232/CT-VKS ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Ngọc Giang C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS; Truy tố các bị cáo Phạm Thành T2, Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 232/CT-VKS ngày 21 tháng 7 năm 2020, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*mua bán trái phép chất ma túy*”; Các bị cáo Trần Ngọc Giang C, Phạm Thành T2, Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 năm tù đến 09 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”..

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Giang C từ 06 năm tù đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”..

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Bùi Quý T1 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”..

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành T2 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với: 0,1603 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 465/GĐMT-PC09 ngày 12/6/2019; 0,0889 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 474/GĐMT-PC09 ngày 17/6/2019; 0,0884 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 473/GĐMT-PC09 ngày 17/6/2019; 0,0314 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 490/GĐMT-PC09 ngày 21/6/2019 là tang vật vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 0,0472 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói phong bì quả tang; 0,1188 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 01; 0,8618 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 02; 0,0230 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 03; 0,1280 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 04; 0,0696 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 05; 0,0606 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 06; 0,9915 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 07; 0,0615 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 08, tất cả đều được đựng trong gói niêm phong số 488/GĐMT-PC09 ngày 20/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu ROMANTIC, màu xanh, mang biển kiểm soát 47F9 – 8699, số máy CE110A-99000522, số khung XCGLH7X-1000817. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thanh L, trú tại địa chỉ số 119 T, thành phố B, do chưa làm việc được với bà L nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave @, màu xanh, mang biển số: 47B1 – 78731, số máy HC12E5352081, số khung HC1213DY351904. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là ông Nguyễn Minh H, trú tại địa chỉ số 194 N, thành

phố B, do chưa làm việc được với ông H nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, màu đen, mang biển số: 47R5 – 5045, số máy 5B94050484, số khung CJ5B9409AY050484. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là ông Phạm Diệu N, sinh năm: 1979, HKTT: 131 P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 09/6/2019, T2 mượn xe để đi mua ma túy thì anh N không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông Phạm Diệu N nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với 01 xe máy hiệu Honda Air Blade, màu đen, mang biển số: 47T1 – 13912, số máy JF46E6041650, số khung RLHJF4619EZ116343. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là của anh Đào Văn P. Anh P khai nhận xe mô tô trên là tài sản chung của anh P và vợ là Phan Thị T, sinh năm: 1986, HKTT: Thôn 10, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 12/6/2019, anh P sử dụng chiếc xe trên đi mua ma túy thì chị T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của P. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 253 ngày 19/9/2019, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: tài sản là xe mô tô trên có trị giá 22.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với P, tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô với số tiền 11.000.000 đồng, rồi xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho anh Đào Văn P tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với xe mô tô hiệu CPI, màu xanh, mang biển số: 47H2 – 7046, số máy 152FM1-00003844, số khung XG81BXY-3040456. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là ông Trần Như H, địa chỉ: số 210 N, Tp. B. Do chưa làm việc được với ông H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 điện thoại di động màu vàng đen, hiệu Masstel C108, gắn sim của bị can Nguyễn Ngọc H; 01 điện thoại di động màu trắng – đen, hiệu Nokia 2730, gắn sim của bị cáo Bùi Quý T1, là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 0986008929 là tài sản thuộc sở hữu của anh Đào Văn P, không liên quan đến hành vi phạm, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vertu model K5, gắn sim số 0949815171 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 500.000 đồng, quá trình điều tra xác định: đây là tiền do bị cáo Nguyễn Văn Đ bán ma túy mà có, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 12 điện thoại di động các loại; 12 chiếc đồng hồ các loại; 01 vòng tay dây đeo màu đen, có gắn con vật bằng kim loại màu vàng; 02 nhẫn kim loại màu vàng trên có đính đá màu trắng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn móng động vật bọc kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá màu

trắng và đá màu hồng; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền màu xanh bọc kim loại màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có dây kim loại màu bạc; 01 nhẫn kim loại màu vàng có hình con vật. Tiền Việt Nam đồng 27.150.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Đ không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Từ ngày 06/6/2019, ngày 09/6/2019 và ngày 12/6/2019, tại nhà ở địa chỉ: Liên gia 16, tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, Nguyễn Văn Đ có hành vi 05 lần bán ma túy: 9 giờ 30 phút ngày 06/6/2019 bán 0,2300 gam ma túy, loại Mathamphetamine cho Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1; 09 giờ 30 phút ngày 09/6/2019 bán 0,1156 gam ma túy, loại Heroine cho Trần Ngọc Giang C; 10 giờ ngày 09/6/2019 bán 0,123 gam ma túy, loại Heroine cho Phạm Thành T2; 9 giờ 30 phút ngày 12/6/2019 bán 0,0473 gam ma túy, loại Heroine cho Nguyễn Quốc Ng; 14 giờ 30 phút ngày 12/6/2019 bán 0,0615 gam ma túy, loại Heroine cho Đào Văn P và cất giấu 1,3231 gam ma túy loại Methamphetamine và 1,1527 gam ma túy, loại Heroine với mục đích để bán cho các con nghiện kiếm lời thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện, bắt giữ. Xác định, tổng số ma túy thu giữ được là 3,0532 gam.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[3]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Ngọc Giang C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS; Truy tố các bị cáo Phạm Thành T2, Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Ngọc Giang C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS; Bị cáo Phạm Thành T2, Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

*** Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:**

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

*** Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:**

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 đến 10 năm:

.....

o) Tái phạm nguy hiểm”

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội và nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, làm tổn hại giống nòi và còn là nguyên nhân dẫn đến làm lan truyền các căn bệnh xã hội khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được rằng, ma túy là loại độc dược gây nghiện nên Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt và sử dụng trái phép. Song do lối sống buông thả, không lành mạnh, nghiện ngập, nên các bị cáo đã thực hiện việc mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy để nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia nên tính chất hành vi, mức độ của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa ra từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo phạm tội hai lần trở lên đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 251 BLHS bản thân bị cáo trước khi phạm tội là người đang có tiền án đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu. Do

vậy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác nên đối với bị cáo cần có mức án đủ nghiêm và buộc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài và mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác có như vậy mới đủ tính chất nghiêm minh và răn đe đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Ngọc Giang C mặc dù khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ có khối lượng là 0,1156 gam, tuy nhiên bị cáo là người đang có tiền án chưa được xóa án tích về tội “*Hiếp dâm*” và “*tội cướp tài sản*” và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp là tái phạm nguy hiểm đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đối với bị cáo cần có mức án đủ nghiêm và mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác và thấp hơn so với bị cáo Đức.

Đối với bị cáo Bùi Quý T1 và bị cáo Nguyễn Ngọc H khối lượng của các bị cáo tàng trữ là 0,2300 gam tuy nhiên đối với bị cáo T1 trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu và là người đang có tiền án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do đó mức hình phạt của bị cáo cao hơn so với bị cáo Nguyễn Ngọc H. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H mặc dù bị cáo có nhân thân xấu và đã từng bị xét xử về tội Tàng trữ chất ma túy, tuy nhiên bị cáo đã được xóa án tích đối với hành vi này nên mức hình phạt của bị cáo thấp hơn so với bị cáo T1.

Đối với bị cáo Phạm Thành T2 khối lượng bị cáo tàng trữ là 0,1231 gam Heroin, bị cáo là người có nhân thân tốt và lần đầu phạm tội nên mức hình phạt bị cáo thấp hơn so với các bị cáo ở trên.

Đối với nguồn ma túy thu giữ được, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận mua của người nam giới tên Th (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách hành vi của đối tượng trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Nguyễn Quốc Ng, Nguyễn Quốc V và Đào Văn P là người có hành vi mua ma túy của bị cáo Nguyễn Văn Đ vào ngày 12/6/2019. Quá trình điều tra xác định: số ma túy của Ng, V mua của bị cáo Đ có khối lượng 0,0473 gam, ma túy loại Heroine; P mua của bị cáo Đ có khối lượng 0,0615 gam, ma túy loại Heroine; Ng, V, P không có tiền án, tiền sự về tội ma túy nên hành vi của Ng, V, P không đủ cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Ngọc Giang C, Phạm Thành T2, Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với các bị cáo là phù hợp.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo trong khi lượng

hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với: 0,1603 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 465/GĐMT-PC09 ngày 12/6/2019; 0,0889 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 474/GĐMT-PC09 ngày 17/6/2019; 0,0884 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 473/GĐMT-PC09 ngày 17/6/2019; 0,0314 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 490/GĐMT-PC09 ngày 21/6/2019 là tang vật vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 0,0472 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói phong bì quả tang; 0,1188 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 01; 0,8618 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 02; 0,0230 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 03; 0,1280 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 04; 0,0696 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 05; 0,0606 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 06; 0,9915 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 07; 0,0615 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 08, tất cả đều được đựng trong gói niêm phong số 488/GĐMT-PC09 ngày 20/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu ROMANTIC, màu xanh, mang biển kiểm soát 47F9 – 8699, số máy CE110A-99000522, số khung XCGLH7X-1000817. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thanh L, trú tại địa chỉ số 119 T, thành phố B, do chưa làm việc được với bà L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave @, màu xanh, mang biển số: 47B1 – 78731, số máy HC12E5352081, số khung HC1213DY351904. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là ông Nguyễn Minh H, trú tại địa chỉ số 194 N, thành phố B, do chưa làm việc được với ông H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, màu đen, mang biển số: 47R5 – 5045, số máy 5B94050484, số khung CJ5B9409AY050484. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là ông Phạm Diệu N, sinh năm: 1979, HKTT: 131 P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 09/6/2019, T2 mượn xe để đi mua ma túy thì anh N không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông Phạm Diệu N nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với xe mô tô hiệu CPI, màu xanh, mang biển số: 47H2 – 7046, số máy 152FM1-00003844, số khung XG81BXY-3040456. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là ông Trần Như H, địa chỉ: số 210 N, Tp. B. Do chưa làm việc được với ông H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe máy hiệu Honda Air Blade, màu đen, mang biển số: 47T1 – 13912, số máy JF46E6041650, số khung RLHJF4619EZ116343. Quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu là của anh Đào Văn P. Anh P khai nhận xe mô tô trên là tài sản chung của anh P và vợ là Phan Thị T, sinh năm: 1986, HKTT: Thôn 10, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 12/6/2019, anh P sử dụng chiếc xe trên đi mua ma túy thì chị T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của P. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 253 ngày 19/9/2019, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: tài sản là xe mô tô trên có trị giá 22.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với P, tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô với số tiền 11.000.000 đồng, rồi xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho anh Đào Văn P tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động màu vàng đen, hiệu Masstel C108, gắn sim của bị can Nguyễn Ngọc H; 01 điện thoại di động màu trắng – đen, hiệu Nokia 2730, gắn sim của bị can Bùi Quý T1, là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 0986008929 là tài sản thuộc sở hữu của anh Đào Văn P, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho anh P.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vertu model K5, gắn sim số 0949815171 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 500.000 đồng, quá trình điều tra xác định: đây là tiền do bị cáo Nguyễn Văn Đ bán ma túy mà có, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1172 màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu OPPO 1201 màu trắng; 02 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu itel it 2123 màu đen, không pin; 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190 màu đen không có nắp lưng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia M6 màu đỏ bạc không pin; 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung SM-G355H/DS màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Sony màu đen; 01 đồng hồ màu đen, mặt tròn không nhãn hiệu; 01 đồng hồ màu vàng, hiệu PATEK PHILIPPE No.0004; 01 đồng hồ màu đen, mặt vuông, không nhãn hiệu; 01 đồng hồ màu đen bạc, hiệu RADO; 01 đồng hồ màu đen, hiệu CARRERA; 01 đồng hồ màu đen, viền vàng, hiệu MOVADO; 01 đồng hồ màu vàng, hiệu PATEK PHILIPPE No.1466; 01 đồng hồ màu đen bạc, hiệu MOVADO; 01 đồng hồ màu vàng, dây nâu hiệu SEIKO; 01 đồng hồ màu vàng, hiệu MARC BY MARC JACOBS; 01 đồng hồ hiệu RADO jubile; 01 đồng hồ màu vàng, dây đen hiệu forsining; 01 vòng tay dây đeo màu đen, có gắn con vật bằng kim loại màu vàng; 02 nhẫn kim loại màu vàng trên có đính đá màu trắng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn móng động vật bọc kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá màu trắng và đá màu hồng; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng;

01 mặt dây chuyền màu xanh bọc kim loại màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có dây kim loại màu bạc; 01 nhẫn kim loại màu vàng có hình con vật; tiền Việt Nam đồng 27.150.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Đ không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Quý T1, Nguyễn Ngọc H, Trần Ngọc Giang C và bị cáo Phạm Thành T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm o khoản 2 Điều 249 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Các bị cáo Trần Ngọc Giang C, Phạm Thành T2, Nguyễn Ngọc H, Bùi Quý T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 12/6/2019.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Trần Ngọc Giang C** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 09/6/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Quý T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 06/6/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc H** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 06/6/2019.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thành T2** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2019 cho đến ngày 08/6/2020.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 0,1603 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 465/GĐMT-PC09 ngày 12/6/2019; 0,0889 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 474/GĐMT-PC09 ngày 17/6/2019; 0,0884 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số:

473/GĐMT-PC09 ngày 17/6/2019; 0,0314 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số: 490/GĐMT-PC09 ngày 21/6/2019 là tang vật vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 0,0472 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói phong bì quả tang; 0,1188 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 01; 0,8618 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 02; 0,0230 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 03; 0,1280 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 04; 0,0696 gam Heroine còn lại sau giám định trong phong bì số 05; 0,0606 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 06; 0,9915 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 07; 0,0615 gam Methamphetamine còn lại sau giám định trong phong bì số 08, tất cả đều được đựng trong gói niêm phong số 488/GĐMT-PC09 ngày 20/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là tang vật của vụ án.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B trả lại 01 xe mô tô hiệu Jupiter, màu đen, mang biển số: 47R5 – 5045, số máy 5B94050484, số khung CJ5B9409AY050484 ông Phạm Diệu N, là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với anh Đào Văn P và tịch thu 1/2 giá trị đối với 01 xe máy hiệu Honda Air Blade, màu đen, mang biển số: 47T1 – 13912, số máy JF46E6041650, số khung RLHJF4619EZ116343 với số tiền là 11.000.000 đồng và trả lại xe mô tô trên cho anh Đào Văn P tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H đối với 01 điện thoại di động màu vàng đen, hiệu Masstel C108, gắn sim của bị cáo Nguyễn Ngọc H là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Quý T1 01 điện thoại di động màu trắng – đen, hiệu Nokia 2730, gắn sim của bị can Bùi Quý T1, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại cho anh Đào Văn P 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 0986008929 là tài sản thuộc sở hữu của anh Đào Văn P.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Vertu model K5, gắn sim số 0949815171 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước Đối với số tiền 500.000 đồng, quá trình điều tra xác định: đây là tiền do bị cáo Nguyễn Văn Đ bán ma túy mà có.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1172 màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu OPPO 1201 màu trắng; 02 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu itel it 2123 màu đen, không pin; 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190 màu đen không có nắp lưng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia M6 màu đỏ bạc không

pin; 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung SM-G355H/DS màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Sony màu đen; 01 đồng hồ màu đen, mặt tròn không nhãn hiệu; 01 đồng hồ màu vàng, hiệu PATEK PHILIPPE No.0004; 01 đồng hồ màu đen, mặt vuông, không nhãn hiệu; 01 đồng hồ màu đen bạc, hiệu RADO; 01 đồng hồ màu đen, hiệu CARRERA; 01 đồng hồ màu đen, viền vàng, hiệu MOVADO; 01 đồng hồ màu vàng, hiệu PATEK PHILIPPE No.1466; 01 đồng hồ màu đen bạc, hiệu MOVADO; 01 đồng hồ màu vàng, dây nâu hiệu SEIKO; 01 đồng hồ màu vàng, hiệu MARC BY MARC JACOBS; 01 đồng hồ hiệu RADO jubile; 01 đồng hồ màu vàng, dây đen hiệu forsining; 01 vòng tay dây đeo màu đen, có gắn con vật bằng kim loại màu vàng; 02 nhẫn kim loại màu vàng trên có đính đá màu trắng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn móng động vật bọc kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá màu trắng và đá màu hồng; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền màu xanh bọc kim loại màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có dây kim loại màu bạc; 01 nhẫn kim loại màu vàng có hình con vật; tiền Việt Nam đồng 27.150.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Đ không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Tang vật có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 30/12/2020).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Quý T1, Nguyễn Ngọc H, Trần Ngọc Giang C và bị cáo Phạm Thành T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Quý T1, Nguyễn Ngọc H, Trần Ngọc Giang C và bị cáo Phạm Thành T1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuol